

Số :0606/DCVFM.2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI  
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

DCVFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/ Fund name: DCVFMVN DIAMOND ETF
- Mã ccq/Code: FUEVFNVD
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 06/06/2024
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock		
1	ACB	10,400	7.87%
2	BMP	100	0.35%
3	CTG	1,500	1.51%
4	FPT	3,900	16.98%
5	GMD	5,200	13.57%
6	HDB	5,600	4.12%
7	KDH	2,300	2.65%
8	MBB	7,600	5.24%
9	MSB	4,400	2.01%
10	NLG	2,500	3.41%
11	OCB	2,900	1.39%
12	PNJ	4,600	13.49%
13	REE	3,600	7.00%
14	TCB	5,400	7.97%
15	TPB	2,800	1.57%
16	VIB	2,900	2.02%
17	VPB	6,100	3.43%
18	VRE	4,300	3.01%
II.	Tiền/ Cash (VND)	77,457,776	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 3,140,470,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 3,217,927,776

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 77,457,776

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
ACB	26,785	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
FPT	154,110	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
GMD	92,400	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MBB	24,420	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
OCB	16,940	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	103,840	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	68,860	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
TCB	52,250	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
VIB	24,640	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*)	Kỳ trước/Last period (**)	Chênh lệch/ Changes
	06/06/2024	05/06/2024	
1. Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	14	19	-5
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	449,000,000	447,600,000	1,400,000
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	32,130	32,220	-90
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	14,342,304,100,328	14,398,539,008,315	-56,234,907,987
của một lô ETF/per Creation Unit	3,217,927,776	3,229,820,324	-11,892,548
của một chứng chỉ quỹ/per Share	32,179.27	32,298.20	-118.93
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	2,217.91	2,218.94	-1.03

(\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 05/06/2024/(\*)The criteria #5 is represented by NAV as at 05/06/2024

(\*\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 04/06/2024/(\*\*)The criteria #5 is represented by NAV as at 04/06/2024

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ  
DRAGON CAPITAL  
VIỆT NAM

Lê Hoàng Anh

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 07/06/2024

*preals*